

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 06-6-2022  
“V/v tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Châu Hùng;

Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-DS ngày 17/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Tuyết H, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ 13, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Bảo T, sinh năm 1994, địa chỉ: Tổ 13, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2022, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết H trình bày:*

Bà và ông T tự quen biết và quyết định sống chung vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận số 36 ngày 06/3/2015. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau ông T chỉ lo ăn chơi, không lo cho vợ con và chăm sóc gia đình, bà H và ông T không sống chung với nhau từ

tháng 02 năm 2022 âm lịch cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Bà và ông T sinh được 03 con chung tên Ngô Phan Bảo K1, sinh ngày 25/01/2015; Ngô Phan Bảo K2, sinh ngày 25/01/2015 và Ngô La Bảo K3, sinh ngày 11/01/2019. Bà H có yêu cầu nuôi 03 con chung và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Ngày 24/3/2022 bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T vắng mặt.

Kết quả xác minh tại Ban khóm C, phường C, thành phố C: Ông Ngô Bảo T, sinh năm 1994 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, ông T và bà H có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên bà H và ông T mâu thuẫn như thế nào thì Ban khóm không biết.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng, cứ hòa giải giữa các đương sự, tuy nhiên ông T vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, bà H và ông T có đăng ký kết hôn nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T không lo cho vợ con và chăm sóc gia đình nên bà H và ông T không sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung, bà H và ông T có 03 con chung Ngô Phan Bảo K1, sinh ngày 25/01/2015; Ngô Phan Bảo K2, sinh ngày 25/01/2015 và Ngô La Bảo K3, sinh ngày 11/01/2019; bà H có yêu cầu nuôi 03 con chung, hiện do bà H nuôi dưỡng, kết quả xác minh thu thập chứng cứ thể hiện các cháu được bà H nuôi dạy tốt và các cháu Bảo K1, Bảo K2 có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Vì vậy, việc giao 03 con chung cho bà H nuôi dạy là phù hợp quy định pháp luật cũng như nguyện vọng các cháu; ghi nhận sự tự nguyện của bà H, về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố C. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C theo giấy chứng nhận số 36 ngày 06/3/2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà H và ông T đã không còn sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2022 đến nay do ông T không lo cho vợ con. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của bà H, ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung: Bà H yêu cầu được nuôi 03 con chung gồm Ngô Phan Bảo K1, sinh ngày 25/01/2015; Ngô Phan Bảo K2, sinh ngày 25/01/2015 và Ngô La Bảo K3, sinh ngày 11/01/2019. Xét yêu cầu của bà H phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Bảo K2, Bảo K1 nên đồng ý giao 03 con chung cho

bà H nuôi dạy cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Tuyết H được ly hôn ông Ngô Bảo T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 06/3/2015 của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Bà Phan Thị Tuyết H được tiếp tục nuôi dạy con chung Ngô Phan Bảo K1, sinh ngày 25/01/2015; Ngô Phan Bảo K2, sinh ngày 25/01/2015 và Ngô La Bảo K3, sinh ngày 11/01/2019 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Ngô Bảo T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Phan Thị Tuyết H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002010 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C; bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Ngô Bảo T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. C (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Phương**